

STT	DỊCH VỤ		MỨC PHÍ
I - PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN			
1	Cho vay lãi tính theo dư nợ giảm dần/trả nợ gốc cuối kỳ		
1.1	Vay ngắn hạn (cho vay từng lần)	Thời gian vay thực tế ^(a) ≥ 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ ^(b)	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế < 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ	1,5 % số tiền trả nợ trước hạn TT: 200.000 VND
1.2	Vay trung và dài hạn	Thời gian vay thực tế ≥ 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế từ 30% đến dưới 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	2 % số tiền trả nợ trước hạn
		Thời gian vay thực tế < 30% thời gian vay của Giấy nhận nợ	3 % số tiền trả nợ trước hạn
2	Cho vay lãi tính trên dư nợ ban đầu (lãi add-on) (chỉ áp dụng khi tất toán khoản vay)		
2.1	Thời điểm tất toán khoản vay ≥ 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		Miễn phí
2.2	Thời điểm tất toán khoản vay < 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		5 % số tiền tất toán
II - PHÍ CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG			
1	Hạn mức/giá trị cam kết dưới 05 tỷ đồng		0,20% giá trị hạn mức
2	Hạn mức/giá trị cam kết từ 05 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng		0,15% giá trị hạn mức
3	Hạn mức/giá trị cam kết từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng		0,10% giá trị hạn mức
4	Hạn mức/giá trị cam kết từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng		0,07% giá trị hạn mức
5	Hạn mức/giá trị cam kết từ 100 tỷ đồng trở lên		0,05% giá trị hạn mức
6	Các văn bản hứa cấp tín dụng		0,15% giá trị hạn mức TT: 1.000.000 VND
III - PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN			
1	Rút vốn trong vòng 3 ngày làm việc		miễn phí
2	Rút vốn trong thời gian từ ngày 4 đến hết ngày 10 (tính theo ngày làm việc)		300.000 VND
3	Rút vốn sau 10 ngày làm việc		0,03% giá trị hạn mức TT: 300.000 VND TĐ: 10.000.000 VND.
Giải thích ký tự:			
<ul style="list-style-type: none"> - VND: Việt Nam đồng; VAT (value added tax): thuế giá trị gia tăng. - Tài khoản tiền gửi: bao gồm tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài khoản tiền gửi thanh toán. - Chứng từ tiền gửi: là chứng từ xác nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu và đồng chủ sở hữu tiền gửi, bao gồm: sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, sổ dư tài khoản tiền gửi và các chứng từ tiền gửi khác (không bao gồm chứng chỉ tiền gửi). - TT: Tối thiểu. - TĐ: Tối đa. - (a): Thời gian vay thực tế (số ngày): tính từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ trước hạn. - (b): Thời gian vay của Giấy nhận nợ (số ngày): tính từ ngày nhận nợ đến ngày phải trả hết nợ theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ đó. - Mức phí quy định trong biểu phí chỉ mang tính chất tham khảo, Quý khách vui lòng liên hệ các điểm giao dịch của Nam A Bank để được phục vụ tốt nhất. 			